TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số 1140/2025/DS-PT
Ngày 11/09/2025
"V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các Thẩm phán: Bà Lý Thị Lệ Thủy

Bà Bùi Thị Thương

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Vy –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên**.**

Ngày 11/9/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2025/TLPT–DS ngày 20/6/2025.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức (nay là TAND khu vực 14, TP. Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3972/2025/QĐPT-DS ngày 24/7/2025; quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 14841 /2025/QĐPT-DS ngày 19/8/2025; Thông báo mở lại phiên tòa số 15592/ TB-TA ngày 29/8/2025;Giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1985; Địa chỉ: 245A, khu phố Hiệp Hòa, xã D, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

+Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Thanh T, sinh 1992; Địa chỉ: Tổ 6, ấp Tân Giao, xã K, thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 30/6/2024) (có mặt).

2.Bị đơn: Bà Lê Thị Thu Tr, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 245 A khu phố Hiệp Hòa, xã D, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 3, tòa nhà Vmax, 18A/76 Nguyễn Thị Minh Khai, phường S, TP. Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

*/Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

+Ông Nguyễn Hồng Nh, sinh 1988 và Ông Võ Hoàng Nh2, sinh 2001; Cùng địa chỉ: 18A/76 tầng 3, Nguyễn Thị Minh Khai, phường S, TP. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

+Công ty luật TNHH DL PINNACLE; Địa chỉ: 18A/76 tầng 3, Nguyễn Thị Minh Khai, phường S, TP. Hồ Chí Minh.(Theo giấy ủy quyền ngày 14/8/2024).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá T. (vắng mặt).

Công ty luật TNHH DL PINNACLE ủy quyền lại cho:

+Bà Man Thị Huỳnh L, sinh 1997 (Có mặt).

+Ông Võ Hoàng Nh2, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 18A/76 Tầng 3, Nguyễn Thị Minh Khai, phường S, TP. Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 15/8/2024).

3. Người kháng cáo: Bị đơn Bà Lê Thị Thu Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Trần Thị Ngọc H và người đại diện trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết, bà Tr cần một số vốn để giải quyết việc gia đình. Qua các lần vay mượn từ ngày 21/01/2022 đến ngày 05/8/2023, bà H có cho bà Tr vay số tiền là 26.000 đô la Singapore tương đương với 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng). Hai bên có thỏa thuận miệng là đến ngày 05/9/2023, bà Tr sẽ trả đủ cho bà H số tiền nêu trên. Vì là chỗ quen biết nên bà H và bà Tr chỉ ghi bằng giấy tay để làm tin mà không có ra công chứng. Đến kỳ hạn trả nợ, bà H có yêu cầu bà Tr phải trả số tiền 26.000 đô la Singapore tương đương với 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng) theo như bà Tr đã cam kết. Do chưa có tiền nên bà Tr có xin bà H khất lại thêm ít thời gian sẽ trả đủ. Bà H cũng đồng ý gia hạn cho bà Tr thêm một tháng nữa là đến ngày 05/10/2023. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ thì bà Tr đã không giữ đúng lời hứa theo thỏa thuận. Bà H đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu bà Tr trả tiền nhưng bà Tr cứ biện cớ lý do này lý do khác, trốn tránh việc trả nợ và không có thiện chí trả nợ cho bà H. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Thu Tr phải trả cho bà H số tiền là 26.000 đô la Singapore tương đương với 520.000.000 đồng; Trước đây ông T trình bày là bà Tr có chuyển tiền cho bà H với tổng số tiền là 9.700 đô la Singapore (tương đương 194.000.000 đồng tiền Việt Nam) nhưng đây là bà Tr trả tiền lãi cho bà H. Sau khi hỏi lại bà H thì số tiền 9.700 đô la Singapore là tiền bà Tr trả tiền mua hàng của bà H. Bà Tr yêu cầu bà H trả cho bà Tr số tiền vay là 9.700 đô la Singapore (tương đương 194.000.000 đồng tiền Việt Nam) thì bà H không đồng ý với yêu cầu này của bà Tr.

**/ Tại các bản khai và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Lê Thị Thu Tr và người đại diện trình bày:* Qua yêu cầu của bà H thì bà Tr ý kiến là bà Tr không có vay tiền của bà H như bà H trình bày. Bà Tr không đồng ý trả cho bà H số tiền là 26.000 đô la Singapore tương đương với 520.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi triệu đồng)*. Bà Tr không biết, không viết, không ký tên vào giấy vay nợ. Bà Tr không yêu cầu giám định chữ ký của bà Tr và chữ viết ghi Lê Thị Thu Tr ở cuối giấy vay nợ. Bà Tr yêu cầu bà H cung cấp chứng cứ về việc bà H cho bà Tr vay tiền.

Theo bà Tr thì từ ngày 12/01/2023 đến ngày 13/9/2023 thì bà Tr có chuyển tiền cho bà H vay là 21 lần, với tổng số tiền là 9.700 đô la Singapore (tương đương

194.000.000 đồng tiền Việt Nam. Bà Tr yêu cầu bà H trả cho bà Tr số tiền là 9.700 đô la Singapore (tương đương 194.000.000 đồng tiền Việt Nam).

*/Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức; Đã áp dụng các quy định của pháp luật. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H.

+Buộc bà Lê Thị Thu Tr phải trả cho bà Trần Thị Ngọc H số tiền vay 26.000 đô la Singapore tương đương với 520.000.000 đồng.

+Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thu Tr về yêu cầu bà Trần Thị Ngọc H trả cho bà Tr số tiền vay 9.700 đô la Singapore tương đương 194.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

*/Ngày 20/5/2025, bị đơn bà Tr kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

*/Tại phiên tòa phúc thẩm:

Một số đương sự vắng mặt Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

+Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét xử công khai tại phiên tòa nhận thấy: Bị đơn bà Tr ký vào giấy vay nợ nhưng không thừa nhận là chữ ký của bà Tr; Tòa án yêu cầu bà Tr giám định chữ ký nhưng bà Tr không đồng ý giám định, do đó nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn bà Tr trả nợ là có cơ sở; Bị đơn bà Tr yêu cầu bà H trả nợ 194.000.000 đồng, nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh; Đề nghị Hội đồng xét xử, bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Tr trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét nội dung kháng cáo, thì thấy:

[2.1] Xét về yêu cầu trả 26.000 đô la Singapore tương đương với 520.000.000 đồng Việt Nam;

Hội đồng xét xử thấy:

Theo Giấy vay nợ (không có ghi ngày tháng năm) thì trong giấy có ghi nội dung "Từ ngày 21/01/2022 đến ngày 05/8/2023, tôi có vay mượn của chị Trần Thị

Ngọc H với tổng số tiền: 26.000 SGD". Không ghi ngày trả nợ, không ghi tiền lãi, người vay tiền ký tên và ghi họ và tên Lê Thị Thu Tr.

Do nhiều lần bà H yêu cầu bà Tr trả nợ nhưng bà Tr không trả; Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà Tr trả cho bà H 26.000 đô la Singapore tương đương với 520.000.000 đồng là có cơ sở.

Bà Tr cho rằng: bà Tr không biết, không viết, không ký tên vào giấy vay nợ; Không thừa nhận chữ ký, chữ Lê Thị Thu Tr là của mình, Tòa án yêu cầu giám định nhưng bà Tr không đồng ý giám định chữ ký và chữ viết ghi Lê Thị Thu Tr ở cuối giấy vay nợ;

Do đó việc bà H cho bà Tr vay tiền có chứng cứ là giấy tờ vay nợ đã nêu ở trên, là vay không xác định thời hạn, không lãi.

Theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015 thì bà H có quyền đòi lại tiền cho bà Tr vay là có cơ sở và có căn cứ pháp luật.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà Lê Thị Thu Tr phải trả cho bà Trần Thị Ngọc H số tiền vay 26.000 đô la Singapore tương đương với 520.000.000 đồng Việt Nam.

[2.2] Về việc bà Tr yêu cầu bà H trả số tiền là 9.700 đô la Singapore tương đương 194.000.000 đồng tiền Việt Nam.

Hội đồng xét xử thấy:

Bà Tr cung cấp cho tòa giấy chuyển tiền cho bà H. Bà Tr cho rằng đây là tiền bà Tr cho bà H vay, nhưng không cung cấp được giấy tờ vay tiền. Bà H thì cho rằng đây là tiền bà Tr trả tiền mua hàng của bà H (tiền mua mỹ phẩm).

Như vậy việc bà Tr trình bày có cho bà H vay 9.700 đô la Singapore (tương đương 194.000.000 đồng tiền Việt Nam) nhưng bà Tr không có giấy tờ để chứng minh và bà H không thừa nhận. Do đó việc bà Tr yêu cầu bà H trả số tiền 9.700 đô la Singapore (tương đương 194.000.000 đồng) là không có chứng cứ, không có cơ sở và không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử y án sơ thẩm;

[3] Về án phí sơ phúc thẩm: Căn cứ Điều 26, 27,29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

+ Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thu Tr phải chịu án phí với số tiền phải trả 520.000.000 đồng và số tiền không được chấp nhận 194.000.000 đồng . Tổng cộng là 714.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + (314.000.000 đồng x 4%) = 32.560.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.850.000 đồng theo biên lai số 0001246 ngày 06/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Bà Tr còn phải nộp án phí là 27.710.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, bảy trăm mười ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ngọc H tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.400.000 đồng theo biên lai số 0001022 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức.

+ Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Tr phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000974 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ: không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức (nay là TAND khu vực 14, TP. Hồ Chí Minh); Như sau:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H đối với bà Lê Thị Thu Tr.

+Buộc bà Lê Thị Thu Tr có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Ngọc H số tiền 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thu Tr về việc yêu cầu bà Trần Thị Ngọc H phải trả cho bà Tr số tiền 194.000.000 đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thu Tr còn phải nộp số tiền án phí là 27.710.000 (Hai mươi bảy triệu bảy trăm mười ngàn) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ngọc H 12.400.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001022 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức (nay là thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Tr phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000794 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Bà Tr đã nộp đủ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi theo lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thì hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

5.Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 11/09/2025

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trịnh Hoàng Anh

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hồ Chí Minh.
- THADS TP. Hồ Chí Minh.
- TAND, THADS khu vực 14.
- VKSND khu vực 14.
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Các thẩm phán **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Lý Thị Lệ Thủy **Bùi Thị Thương** **Trịnh Hoàng Anh**